

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/DS-PT

Ngày: 21/11/2022

Về việc: *Yêu cầu bồi thường
tổn thất tinh thần.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Chiu

2. Ông Lê Trúc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Công, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐPT ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* cháu Ngô Lê T T, sinh ngày 01/4/2009; *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Lê Thị M1, sinh năm 1988; ông Ngô Quốc H, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Thôn Mỹ B, xã STĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn Phước M, xã HB1, huyện TH, tỉnh Phú Yên, bà M1 vắng mặt, ông H có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Hương Q, Luật sư Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- *Bị đơn:* 1. Bà Tạ Thị Tuyết M, sinh năm 1966;

2. Ông Hoàng Quang Tr, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Thôn Mỹ B, xã STĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1983;

2. Bà Lê Thị M2, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Thôn Trường Th, xã STĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên;

3. Ông Hoàng Thành T2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Mỹ B, xã STĐ, huyện TH, Phú Yên;

4. Bà Hoàng Thị Tuyết V, sinh năm 1986;

5. Ông Hoàng Ngọc H1, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn Mỹ B, xã STĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngô Lê T T do ông Ngô Quốc H, bà Lê Thị M đại diện trình bày:

Vợ chồng ông H, bà M1 nhờ bà Lê Thị M2 (*Chị gái bà M1*) hợp đồng chuyển nhượng, mua bán nhà, đất với vợ chồng bà M, ông Tr. Khi lập Hợp đồng chuyển nhượng, ghi rõ chuyển nhượng cho bà Lê Thị M1. Hợp đồng chuyển nhượng, mua bán giá 420.000.000đ, đã trả được 270.000.000đ.

Sau đó, vợ chồng ông H chuyển vào sống trong nhà được vài tháng thì ngày 15/8/2017, vợ chồng bà M đến nói tiền chưa giao xong nên không được ở, dẫn đến hai bên tranh chấp, vợ chồng ông Tr, bà M đuổi vợ chồng ông H và nhốt cháu Ngô Lê T T, sinh ngày 01/4/2009 là con của vợ chồng ông H, bà M1 trong nhà, làm ảnh hưởng đến tinh thần của cháu T.

Do đó, vợ chồng ông H, bà M1 kiện yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà M phải bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu T, với số tiền là 80 tháng lương cơ bản.

Tại phiên tòa, ông H, bà M1 khai vợ chồng ông Tr, bà M cùng các con là Hoàng Thị Tuyết V, Hoàng Ngọc H1, Hoàng Thành T2 có mặt tại ngày xảy ra sự việc nhốt cháu T nên yêu cầu xem xét đối với V, H1, T2 theo quy định; yêu cầu buộc vợ chồng ông Tr, bà M cùng các con V, H1, T2 phải bồi thường.

Đối với việc gia đình bà M, ông Tr đập phá tài sản, đã làm hư 01 cửa gương, cắt hệ thống điện, tổng thiệt hại là: 4.000.000đ. Nay, vợ chồng ông H, bà M1 không yêu cầu Tòa giải quyết đối với yêu cầu này.

Ngoài ra, ông H, bà M1 không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M trình bày:

Vào năm 2016, vợ chồng bà M và vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Lê Thị M2 thỏa thuận mua bán nhà, đất ở thôn Mỹ Bình (*Nhà, đất có nguồn gốc của vợ chồng ông C, bà H1 bán cho vợ chồng ông Tr, bà M*). Ngày 20/9/2016, hai bên lập Hợp đồng bằng giấy viết tay, theo đó đã thỏa thuận bán nhà, đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ 28A, bề ngang 4m, dài 20m nói trên cho vợ chồng ông Th, bà M2 với giá 420.000.000đ. Hợp đồng ghi rõ bán cho Lê Thị M2, không phải bán

cho Lê Thị M1. Tờ giấy ngày 10/10/2016 ghi tên M1 là không đúng, đã có sự sửa chữa.

Sau khi chuyển nhượng, vợ chồng ông Th chỉ trả được 270.000.000đ, số còn lại không trả, vợ chồng bà M đòi mãi thì ngày 15/8/2017, ông Th gọi vợ chồng bà M đến tại căn nhà bán nói trên để trả lại nhà cho vợ chồng bà M. Lúc này, vợ chồng ông H đã tự ý ở trong ngôi nhà. Khi đến, vợ chồng bà M yêu cầu vợ chồng ông H ra khỏi nhà và vợ chồng ông H thống nhất ra khỏi nhà, không có ý kiến gì. Sau khi vợ chồng ông H ra khỏi nhà, vợ chồng bà M khóa cửa ra về. Ngày hôm sau, địa phương mời vợ chồng bà M đến yêu cầu mở cửa để vợ chồng ông H thu dọn đồ đạc. Trong ngày 16/8/2017, vợ chồng bà M mới biết việc ông H nói vợ chồng ông bà nhốt con của vợ chồng ông H.

Bà M, ông Tr khẳng định không bán nhà cho vợ chồng ông H, và cũng không nhốt cháu Ngô Lê Thanh T trong nhà. Do đó, không chấp nhận yêu cầu bồi thường của vợ chồng ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M2 trình bày:

Vợ chồng bà M1, ông H nhờ bà M2 giao dịch mua nhà hộ với vợ chồng ông Tr, bà M; còn việc tranh chấp giữa các bên bà M2 chỉ biết thông qua hình ảnh đăng tải trên Facebook và vợ chồng bà M1 nói lại, không chứng kiến trực tiếp nên không biết cụ thể.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th trình bày:

Ông Th, bà M2 mua nhà đất của vợ chồng bà Tạ Thị Tuyết M, ông Hoàng Quang Tr đúng như vợ chồng bà M khai. Sau khi mua bán, ông Th không có điều kiện mua nữa nên thống nhất viết giấy trả nhà cho vợ chồng ông Tr, bà M; còn việc giao dịch giữa bà M2 và ông Tr, bà M tiếp theo như thế nào, ông Th không liên quan. Vào ngày nào (*không nhớ rõ*) chỉ nhớ ngày đó ông Th cùng vợ chồng bà M đến nhà đất nói trên. Khi đến, vợ chồng ông H, bà M1 đang ở tại ngôi nhà, giữa vợ chồng ông H và vợ chồng ông Tr cãi nhau NH1 không có việc ông Tr và gia đình nhốt cháu Ngô Lê Thanh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc H1, bà Hoàng Thị Tuyết V đồng trình bày:

Sự việc xảy ra đúng như ông Tr, bà M trình bày, khẳng định không có việc nhốt cháu Ngô Lê Thanh T nên không chấp nhận yêu cầu của bà M1, ông H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt, có gửi văn bản trình bày: Qua các tài liệu, chứng cứ xác định không có hành vi bắt, giữ người trái phép. Tuy nhiên, có việc ông Tr xông vào nhà, khóa cửa kéo theo nhiều người đứng xem trong đó có cháu T chứng kiến cảnh này, rõ ràng có sự hoảng loạn nhất định về tinh thần do ông Tr gây ra nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức độ tổn thất tinh thần và mức bồi thường phù hợp để xem xét, quyết định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M cùng ông Hoàng Thành T2, ông Hoàng Ngọc H1, bà Hoàng Thị Tuyết V bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Ngô Lê Thanh T.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của vợ chồng bà Lê Thị M1, ông Ngô Quốc H về việc yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/6/2022, vợ chồng ông Ngô Quốc H, bà Lê Thị M1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Quốc H (đại diện theo pháp luật của nguyên đơn cháu Ngô Lê Thanh T) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, HĐXX, Thẩm tra viên đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ pháp luật quy định, bị đơn và người liên quan không tuân thủ pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt, ông H đề nghị xét xử, bị đơn và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Ngô Lê Thanh T (vợ chồng ông Ngô Quốc H, bà Lê Thị M1):

[3] Về tư cách đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Quốc H đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông để bảo vệ quyền lợi cho con gái Ngô Lê Thanh T, buộc cả 06 người gồm vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M, 03 người con gồm Hoàng Thị Tuyết V, Hoàng Ngọc H1, Hoàng Thành T2 cùng ông Trần Văn Th đều là đồng bị đơn phải bồi thường thiệt hại, không chấp nhận việc sơ thẩm xác định 04 người V, H1, T2, Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. HĐXX xét thấy: tại các đơn khởi kiện ngày 22/8/2017, 02/10/2017, 03/5/2018, vợ chồng ông H, bà M1 đều khởi kiện vợ chồng ông Tr, bà M, quá trình giải quyết, để xác định có hành vi gây thiệt hại hay không, ai là người gây thiệt hại nên cấp sơ thẩm đã đưa những người nói trên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[4] Về việc xác định vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M cùng các con Hoàng Thị Tuyết V, Hoàng Ngọc H1, Hoàng Thành T2 có hành vi nhốt cháu Ngô Lê Thanh T dẫn đến việc cháu hoảng loạn về tinh thần hay không, HĐXX phúc thẩm xét thấy: Xuất phát từ tranh chấp giữa vợ chồng ông Ngô Quốc H, bà Lê Thị M1 với vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng, mua bán nhà đất ký giữa vợ chồng ông Tr, bà M với vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Lê Thị M2 đối với nhà và đất tọa lạc tại thôn Mỹ B, xã STĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Quá trình giải quyết tranh chấp này, tại Bản án hôn nhân gia đình số 16/2022/HNGĐ –ST, ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TH (*Gọi tắt là Bản án số 16*) đã xác định chủ thể của Hợp đồng chuyển nhượng mua bán giữa các bên là vợ chồng ông Th, bà M2 và vợ chồng ông Tr, bà M. Ông Th có lời khai Th nhận việc mua hộ vợ chồng ông H, bà M1 và không chứng minh được số tiền bỏ ra để mua nhà, đất là của vợ chồng ông Th nên tại Bản án số 16 nói trên đã xác định số tiền 270.000.000đ mà bà M, ông Tr nhận có nguồn gốc là tiền của ông H, bà M1, nên khi tuyên bố Hợp đồng giữa các bên vô hiệu, vợ chồng bà M nhận lại nhà, đất thì phải có trách nhiệm trả lại tiền này cho vợ chồng bà M1, ông H.

[5] Vợ chồng ông Tr, bà M căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng với vợ chồng ông Th để đòi tiền của ông Th. Ông Th không có trả nên ngày 15/8/2017, vợ chồng ông Tr, bà M cùng ông Th đến tại nhà đất tranh chấp để ông Th trả lại căn nhà này. Lúc này, vợ chồng ông H, bà M1 cùng 02 con là cháu Ngô Quốc H3 và Ngô Lê Thanh T đang ở trong nhà, dẫn đến các bên xô xát, cãi nhau nhưng không ai gây thương tích cho ai. Vợ chồng bà M yêu cầu gia đình ông H ra khỏi nhà và sau khi gia đình bà M1, ông H ra khỏi nhà, vợ chồng bà M khóa cửa ra về. Ông H, bà M1 cho rằng vợ chồng bà M đã nhốt cháu Ngô Lê Thanh T trong

nhà làm cháu T bị hoảng loạn tinh thần, có báo cáo sự việc cho Công an xã STĐ và cung cấp một số hình ảnh chụp cháu Ngô Lê Thanh T, 01 USB. Qua xem xét, nội dung của USB bà M1 cung cấp không nói gì đến việc cháu T bị nhốt. Mặt khác, khi giải quyết tranh chấp Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng giữa các bên trong vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa ông Th, bà M2, ông H, bà M1, ông Tr, bà M; bà M1 có cung cấp 01 video quay lại sự việc xảy ra tranh chấp ngày 15/8/2017 nói trên. Video này do chính bà M1 quay bằng điện thoại di động, có nội dung hai bên tranh chấp cãi qua lại, nhưng không thể hiện gì đến việc cháu Ngô Lê Thanh T bị vợ chồng ông Tr, bà M nhốt trong nhà.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn Th cũng khẳng định hai bên cãi qua lại nhưng không có sự việc vợ chồng ông Tr nhốt cháu Ngô Lê Thanh T.

[7] Tại bản ghi lời khai ngày 24/8/2017 tại Công an xã STĐ, cháu Ngô Lê Thanh T khẳng định không có ai nhốt cháu. Tại phiên tòa ngày 21/4/2022, cháu Ngô Lê Thanh T khai có thể đi ra khỏi nhà bằng cửa sau của ngôi nhà và cháu T thường đi ra đi vào bằng lối đi này.

[8] Mặt khác, sự việc ông H, bà M1 cho rằng vợ chồng bà M nhốt cháu Thanh T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH giải quyết. Qua thu thập hồ sơ giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH, một số người làm chứng khai tại thời điểm các bên xảy ra tranh cãi, họ đến xem và thấy căn nhà của ông Tr, bà M đang khóa bằng 01 sợi dây xích sắt, còn vợ chồng bà M1, ông H cùng 02 con (01 trai, 01 gái) đứng ngoài cửa (*Bút lục 148 – 155*). Bà M1, ông H khai những người làm chứng là giả, khai không đúng sự thật, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Qua xác minh thu thập chứng cứ, các đồng chí công an xã STĐ gồm Nguyễn Thành T4, Trịnh Lâm H4 là người trực tiếp đến hiện trường đều khẳng định khi đến nơi thì thấy ngôi nhà này có thể đi vào được từ cửa sau và cửa không khóa, cháu T có thể đi ra được, xác định không có sự việc nhốt cháu T nên không lập biên bản. Ông Trịnh Lâm H4 khai: “Tôi trực tiếp thấy cháu T đang chơi ở ngoài cửa hậu sau nhà, thấy tôi đi về hướng của cháu T, thì cháu T chạy lại vào trong nhà bằng cửa hậu phía sau nhà. Khi tôi lại gần thì thấy cửa hậu phía sau nhà không đóng cửa, cháu T có thể đi ra, đi vô bình thường”; ông Nguyễn Thành T4 cũng khẳng định khi đến nơi thấy cháu T có thể đi ra đi vào ngôi nhà bằng cửa hậu phía sau và “khi cháu bé chạy ra ngoài thì bà M1 (mẹ cháu bé) kêu cháu T chạy vào trong nhà đứng sát cửa chính, chứ không cho ra ngoài”.

[10] Ngày 29/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-ĐTTH về việc không khởi tố vụ án hình sự vì nội dung tố giác của ông H, bà M1 không đúng sự thật, không có sự việc phạm

tội xảy ra. Qua thu thập chứng cứ, những người làm chứng này tiếp tục khẳng định sự việc đúng như họ đã khai với Công an huyện TH nói trên. Sau khi xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông H, bà M1 yêu cầu cấp phúc thẩm tạm ngừng xét xử để yêu cầu cơ quan công an khởi tố đối với hành vi khai gian dối của các bà Đỗ Thị Tr1, Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị Kim H5, hành vi dựng nhân chứng giả để cung cấp thông tin không đúng sự thật của ông Dương Văn L, Nguyễn Thành T4, Trịnh Lâm H4 (nguyên cán bộ công an bán chuyên trách xã STĐ). Tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 44/QĐ-ĐTTH ngày 17/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH kết luận “không có sự việc phạm tội” đối với nội dung tố giác của vợ chồng ông H, bà M1. Do đó, cấp sơ thẩm đã nhận định “ngày 15/8/2017, tại ngôi nhà các bên tranh chấp ở thôn Mỹ B, xã STĐ (*Nhà có nguồn gốc của ông C, bà H1 bán cho vợ chồng ông Tr, bà M*); giữa vợ chồng ông Tr, bà M cùng các con và vợ chồng bà M1, ông H xảy ra tranh chấp, xô xát, cãi nhau, không ai gây thương tích cho ai. Vợ chồng bà M, ông Tr và các con là H1, V, T2 không có hành vi nhốt cháu Ngô Lê T T trong nhà, gây hoảng loạn tinh thần cho cháu T như ông H, bà M1 khai. Tại thời điểm xảy ra tranh chấp vào ngày 15/8/2017 giữa vợ chồng ông H, bà M1 với vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M thì các con của ông Tr, bà M là ông Hoàng Ngọc H1, bà Hoàng Thị Tuyết V có mặt tại hiện trường, còn ông Hoàng Thành T2 có mặt lúc sự việc đã xong”; từ đó HĐXXST không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu T của ông H, bà M1 là có căn cứ. Do đó, HĐXXPT không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông H, bà M1 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa,

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho nguyên đơn theo Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn cháu Ngô Lê Thanh T (vợ chồng ông Ngô Quốc H, bà Trần Thị M1), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M cùng ông Hoàng Thành T2, ông

Hoàng Ngọc H1, bà Hoàng Thị Tuyết V bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Ngô Lê Thanh T.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của vợ chồng bà Lê Thị M1, ông Ngô Quốc H về việc yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Quang Tr, bà Tạ Thị Tuyết M bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho nguyên đơn. Hoàn trả cho vợ chồng ông Ngô Quốc H, bà Lê Thị M1 số tiền tạm ứng án phí: 3.850.000đ (*Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) đã thu tại Biên lai thu tiền số 0010557 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện TH (2);
- CC THADS huyện TH;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

